

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST

Ngày: 21.01.2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Châu Văn Ấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Bà Hà Thị Lệ Thi

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Tôn Minh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Thanh Đ (tên gọi khác V), sinh năm 1985; Nơi sinh: huyện V T, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký NKTT: khu phố V Đ 1, thị trấn V T, huyện V T, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: khu phố V Đ 1, thị trấn V T, huyện V T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa không biết chữ; dân tộc kinh; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Bùi Kim C, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Văn Thị Út B, sinh năm 1964; vợ không; con không; tiền sự không; tiền án 03 tiền án: ngày 02/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 05/02/2013 Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp

tài sản và ngày 20/5/2016 Tòa án nhân dân huyện V T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành hình phạt xong ngày 04/3/2018, chưa được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2019 cho đến nay (có mặt).

* Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: không

* Người bào chữa cho bị cáo: không.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: không

* Bị hại: Trịnh Hà S, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã M, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

* Người làm chứng: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 09/6/2019, Bùi Thanh Đ điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 68V2-1322 đi đến nhà của Nguyễn Văn Ch ở ấp N, xã M, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang để tham gia uống rượu cùng với Nguyễn Văn Ch, Phạm Trọng E, Nguyễn Thanh H. Trong lúc uống rượu, Trọng E mới rủ Đ đi về nhà của Trọng E ở ấp N, xã M, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang, bắt gà làm thịt để uống rượu tiếp. Sau đó, Đ và Trọng E đi về nhà của Trọng E bắt gà. Trong lúc đuổi bắt gà, Đ phát hiện cặp bên nhà của Trọng E có chuồng nuôi dê bên trong có nuôi nhốt 04 con dê của vợ chồng bà Trịnh Hà S và ông Hà Huy Q, không có người trong giữ. Sau khi bắt gà xong, Đ và Trọng E đi đến nhà của Nguyễn Văn Ch để uống rượu tiếp. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ ra xe đi về nhà. Khi về ngang đến chuồng nuôi dê, Đ nảy sinh ý định trộm cắp nên dừng xe lại và đi vào chuồng nuôi dê bắt trộm 01 con dê của vợ chồng bà Trịnh Hà S rồi mang ra xe mô tô chở về nhà của ông Mã Thành K ở ấp N, xã M, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Khi về đến nơi, Đ mới cất giấu con dê vào bụi chuối gần nhà của ông K rồi đi vào nhà ngủ. Đến khoảng 08 giờ ngày 10/6/2019, Đ đem con dê đã trộm cắp được cho vào một cái bao rồi điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 68V2-1322 chở đến quán “Nguyễn V” ở khu phố P1, thị trấn V T, huyện V T, tỉnh Kiên Giang, để bán nhưng chủ quán không mua. Đ mới đem con dê đến nhà của Danh Q là bạn của Đ ở gần đó, do không có Danh Q ở nhà nên Đ để con dê vào trong nhà rồi điện thoại cho Danh Q kêu Danh Q giết thịt con dê để tổ chức ăn uống. Sau đó, Đ đi về nhà của ông Mã Thành K.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Danh Q về nhà thì thấy con dê Đ đã đẻ sẵn, Q mới đem cân thì thấy con dê nặng 14kg, sau khi cân xong thì Danh Q đem con dê đi giết thịt. Do Đ không đến nên Danh Q cùng một số người đã tổ chức ăn uống hết con dê.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện U M T, kết luận như sau:

“- 01 (một) con Dê cái 07 tháng tuổi, cân nặng 14kg, lông màu vàng, được định giá tại thời điểm bị xâm hại là: 1.120.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản bị xâm hại trên có giá trị được Hội đồng thống nhất thẩm định giá tại thời điểm bị xâm hại là: 1.120.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).”

Qua kết quả điều tra xác định, trước thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp con dê của bà Trịnh Hà S, Bùi Thanh Đ có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:**

Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 68V2-1322, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Mã Thành K, chủ sở hữu không có lỗi trong việc để bị can Bùi Thanh Đ sử dụng vào việc phạm tội nên không thu giữ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-HS ngày 31/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Bùi Thanh Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh Đ phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh Đ từ 12 đến 18 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 68V2-1322, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Mã Thành K, chủ sở hữu không có lỗi trong việc để bị can Bùi Thanh Đ sử dụng vào việc phạm tội nên không thu giữ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại S yêu cầu bị cáo Bùi Thanh Đ bồi thường thiệt hại với số tiền là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T đã truy tố. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Trịnh Hà S yêu cầu bị cáo Đ bồi thường trị giá con dê số tiền 2.500.000đ, về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đ đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại S.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo Đ ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện U M T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 20 giờ ngày 09/6/2019, sau khi đi uống rượu về ngang qua chuồng nuôi dê của vợ chồng bà Trịnh Hà S và ông Hà Huy Q ở ấp N, xã M, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang, Bùi Thanh Đ lén lút đi vào chuồng dê trộm cắp 01 con dê có trọng lượng 14kg. Tổng tài sản tại thời điểm bị xâm hại trị giá là 1.120.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Trước khi phạm tội bị cáo Bùi Thanh Đ có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, nay bị cáo tiếp tục phạm tội.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án tổng giá trị tài sản bị cáo Bùi Thanh Đ chiếm đoạt trị giá là **1.120.000** đồng, trong khoảng thời gian phạm tội bị cáo có ba tiền án chưa được xóa án tích (ngày 02/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh

Kiên Giang xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành hình phạt xong ngày 04/4/2010; Ngày 05/02/2013 Tòa án nhân dân huyện Trần Văn A, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành hình phạt xong ngày 29/10/2013. và ngày 20/5/2016 Tòa án nhân dân huyện V T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành hình phạt xong ngày 04/3/2018); đủ cơ sở kết luận. Bị cáo Bùi Thanh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo lợi dụng lúc trời tối và bị hại sơ hở để tài sản không người trông giữ, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp con dê của bị hại S, mục đích bị cáo trộm cắp con dê bán lấy tiền phục vụ nhu cầu tiêu xài cá nhân (do không có người mua nên bị cáo chưa thực hiện mục đích của mình). Hành vi của bị cáo thể hiện sự tham lam, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bà S, bị cáo chiếm đoạt tài sản của bà S tuy không lớn nhưng bản thân bị cáo có ba tiền án chưa được xóa án tích, thể hiện coi thường pháp luật và rất nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Do đó cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo tương xứng với tính chất và hậu quả hành vi phạm tội, để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt sống có ích cho xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung.

Đối với hành vi của Danh Q giết thịt con dê do bị cáo Bùi Thanh Đ trộm cắp mà có: Khi nhận con dê từ Bùi Thanh Đ thì Danh Q không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Thanh Đ không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị hại S xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện U M T về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đ từ 12 đến 18 tháng tù là có mức nghiêm khắc.

Bị cáo Đ xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi nghị án.

[6] Về các vấn đề khác:

- Về biện pháp tư pháp:

Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 68V2-1322, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Mã Thành K, chủ sở hữu không có lỗi trong việc để bị cáo Bùi Thanh Đ sử dụng vào việc phạm tội nên không thu giữ xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trịnh Hà S yêu cầu bị cáo Bùi Thanh Đ bồi thường thiệt hại với số tiền là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thanh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2019.

3. Về biện pháp tư pháp:

Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 68V2-1322, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Mã Thành K, chủ sở hữu không có lỗi trong việc để bị cáo Bùi Thanh Đ sử dụng vào việc phạm tội nên không thu giữ xử lý.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Đ với bị hại Trịnh Hà S, bị cáo Bùi Thanh Đ bồi thường cho bị hại bà S với số tiền là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bị cáo Bùi Thanh Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U M T;
- Cơ quan điều tra Công an huyện U M T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện U M T;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U M T;
- Lưu.

Châu Văn Ân